

Bài 31

THỰC HÀNH : PHÂN TÍCH SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH TRỒNG TRỌT

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI THỰC HÀNH

- Rèn luyện kỹ năng tính toán số liệu, vẽ biểu đồ.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu để rút ra các nhận xét cần thiết.
- củng cố kiến thức đã học về ngành trồng trọt.

II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Các biểu đồ được chuẩn bị trên khổ giấy lớn.
- Bảng số liệu đã được tính toán.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Khi vẽ biểu đồ, cần lưu ý HS về khoảng cách năm không bằng nhau, về trị số cao nhất trên trục tung để lựa chọn các trục cho đảm bảo biểu đồ đúng, đẹp và thể hiện rõ ràng.

– Biểu đồ về tốc độ tăng trưởng (lấy năm gốc bằng 100%) chỉ áp dụng khi bảng số liệu đưa ra là theo giá so sánh hoặc tính theo các đơn vị như ha (diện tích), tấn (sản lượng)... Không tính khi không rõ số liệu về giá trị sản lượng là theo giá cố định hay giá thực tế.

– Giữa tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu có mối quan hệ rất chặt chẽ. Những thành phần nào (phân ngành nào) có tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng chung thì tỉ trọng sẽ có xu hướng giảm, còn những thành phần nào có tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung thì tỉ trọng sẽ có xu hướng tăng.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. GV chú trọng vào việc hướng dẫn HS

– Cách nhận biết dạng biểu đồ, tùy theo yêu cầu của từng bài cụ thể. Cho HS thấy rằng, cùng một bảng số liệu, có thể có các yêu cầu vẽ các dạng biểu đồ rất khác nhau.

– Nhấn mạnh cho HS (có thể thông qua các câu hỏi để kiểm tra kỹ năng của HS) về các điểm cần lưu ý khi vẽ biểu đồ : khoảng cách năm, chiều cao của các trục, lựa chọn các kí hiệu thể hiện, chú giải, tên biểu đồ.

– Quy trình vẽ.

– Cách viết nhận xét (ngắn gọn, nêu các ý chính, bám sát các thông tin được khai thác từ bảng số liệu và biểu đồ).

2. Sau khi hướng dẫn quy trình tính toán và vẽ, GV sẽ chia lớp thành các nhóm nhỏ để HS làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.

3. Trong trường hợp HS không đủ thời gian để hoàn thành bài tập trên lớp, GV đưa ra đáp án vẽ mẫu và yêu cầu HS hoàn thiện biểu đồ như là bài tập về nhà.

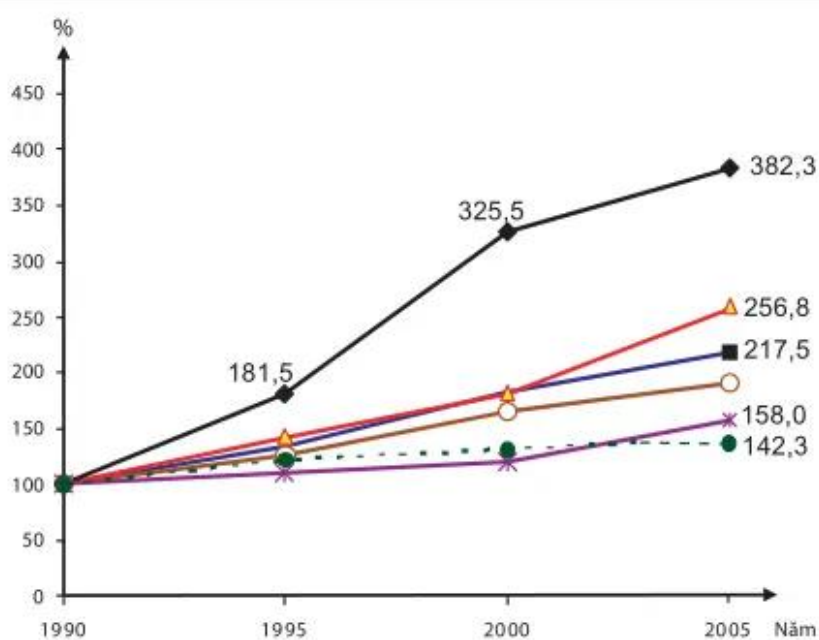
4. GV nên dành thời gian thích đáng cho việc hướng dẫn HS rút ra các nhận xét từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, vì đây là kỹ năng khó.

Bài 1 :

a) Xử lý số liệu và vẽ biểu đồ

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT
THEO TỪNG NHÓM CÂY TRỒNG (LẤY NĂM 1990 = 100,0%)

Năm	Tổng số	Lương thực	Rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1995	133,4	126,5,	143,3	181,5	110,9	122,0
2000	183,2	165,7	182,1	325,5	121,4	132,1
2005	217,5	191,8	256,8	382,3	158,0	142,3



Chú giải

- Tổng số
- ▲— Rau đậu
- ×— Cây ăn quả
- Cây lương thực
- ◆— Cây công nghiệp
- Cây khác

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của các nhóm cây trồng (%).

b) Nhận xét :

– Xu hướng tăng, giảm tỉ trọng của các nhóm cây trồng trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt.

– Kết hợp với biểu đồ về cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt (hình 30, SGK) để hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa tốc độ tăng của giá trị sản xuất từng loại cây với sự thay đổi cơ cấu ngành trồng trọt. Điều này chứng tỏ : trong sản xuất lương thực thực phẩm, đã có xu hướng đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, các loại rau đậu được đẩy mạnh sản xuất.

– Sản xuất cây công nghiệp tăng nhanh nhất, gắn liền với việc mở rộng diện tích các vùng chuyên canh cây công nghiệp, nhất là các cây công nghiệp nhiệt đới.

Bài 2 :

a) Để phân tích xu hướng biến động diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và lâu năm trong khoảng thời gian 1975 – 2005, cũng như để phục vụ cho câu hỏi b), GV cho HS tính toán, xử lí số liệu từ Bảng 31.2 (SGK) để lập thành bảng mới như sau :

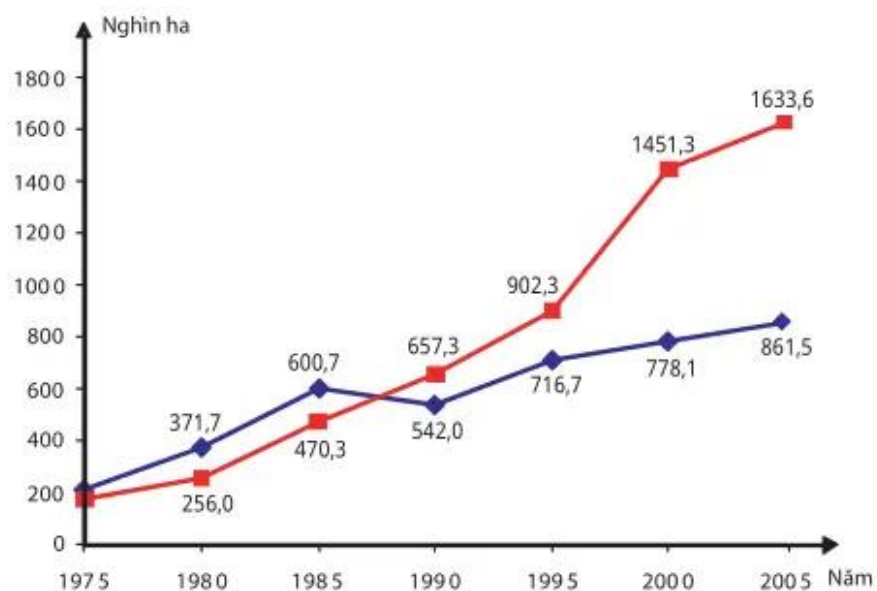
CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP (GIAI ĐOẠN 1975 – 2005)
(Đơn vị : %)

Năm	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	54,9	45,1
1980	59,2	40,8
1985	56,1	43,9
1990	45,2	54,8
1995	44,3	55,7
2000	34,9	65,1
2005	34,5	65,5

– Đối với từng nhóm cây công nghiệp, nhận xét về tốc độ tăng của năm 2005 so với năm 1975 (tăng bao nhiêu ha, tăng gấp mấy lần) ; những mốc quan trọng trong sự biến động diện tích gieo trồng cây công nghiệp.

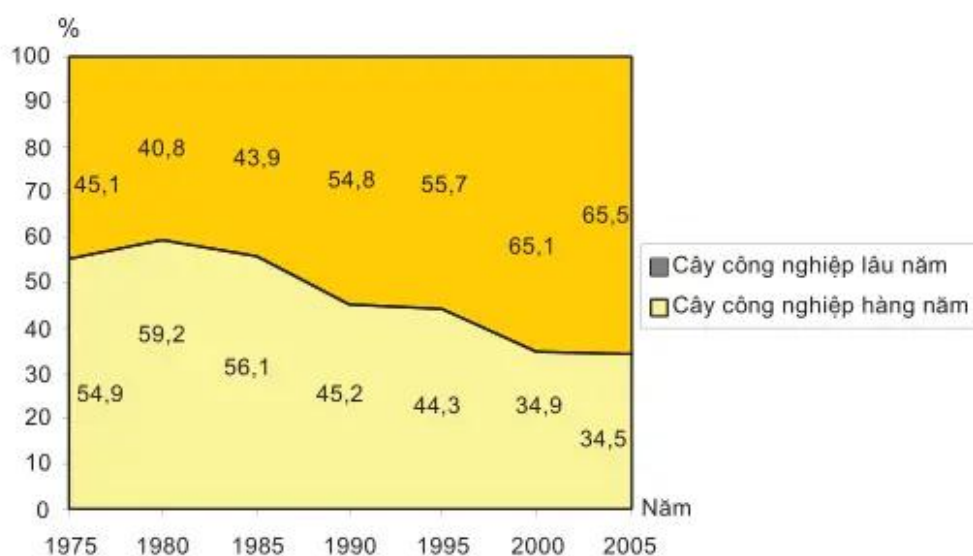
– Nhận xét về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp.

Để giúp HS nhận thức một cách trực quan bảng số liệu 31.2 (SGK), GV có thể "chế biến" bảng số liệu này thành các biểu đồ tương ứng như dưới đây.



Chú giải ◆ Cây công nghiệp hàng năm ■ Cây công nghiệp lâu năm

*Diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm
và cây công nghiệp lâu năm ở nước ta, giai đoạn 1975 – 2005*



Cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp ở nước ta, giai đoạn 1975 – 2005 (%)

b) Sự thay đổi trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp có liên quan rõ nét đến sự thay đổi trong phân bố cây công nghiệp và sự hình thành, phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp, chủ yếu là các cây công nghiệp lâu năm. GV cho HS ôn lại kiến thức của bài 30 (mục 1.c), với các cây công nghiệp chủ lực là cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu ; các vùng trồng cây công nghiệp chủ yếu là Tây Nguyên và Đông Nam Bộ (tham khảo hình 30, SGK).